

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành giá nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 144/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 373/TTr-STC ngày 03 tháng 11 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Giang theo phụ lục đính kèm (Trong đó, giá nước sạch sinh hoạt đã bao gồm thuế VAT).

**Điều 2.**

1. Căn cứ nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này. Giao Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang, tổ chức thu tiền sử dụng nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Giang theo đúng quy định. Đồng thời, có trách nhiệm thực hiện tuyên truyền, phổ biến giá nước sạch sinh hoạt trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân được biết và thực hiện.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022. Thay thế Quyết định số 3022/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Giang và Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc điều chỉnh giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Giang.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các Tổ chức Chính trị xã hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang; Chủ tịch, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước tỉnh Hà Giang, các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VB QPPL-Bộ Tư pháp (B/c);
- Bộ Tài chính (B/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Đoàn ĐBQH khóa XV, tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, NN&PTNT, LĐT&XH, Cục thuế tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Hệ thống Vnpti office;
- Lưu: VT, CVNCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Văn Sơn**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 25 /2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)



STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt	Giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Giang đã bao gồm thuế VAT (Đơn vị tính: Đồng/m <sup>3</sup> )
1	Hộ dân cư	
a	Mức dưới 10 m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	7.500
b	Từ trên 10m <sup>3</sup> - 20m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	9.300
c	Từ trên 20m <sup>3</sup> - 30m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	14.000
d	Từ trên 30m <sup>3</sup> /đồng hồ/tháng	18.700
2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	11.200
3	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	23.300

